

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ: KH. VÀ Đ. T. T. Đ. N.
SỐ: 203 B
Ngày: 10/01
Chức vụ: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 218 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 01 năm 2013

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2011-2020 VÀ TẦM NHÌN 2050 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

Ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Để tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích

- Quán triệt các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị trong toàn tỉnh về các mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011- 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012. Đồng thời, triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước giai đoạn 2011 - 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 -2015; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015 mà Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh xác định trong giai đoạn 5 năm 2011-2015.

- Các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị xác định rõ các nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo điều hành và phân công chủ trì, phối hợp thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành quán triệt quan điểm về phát triển bền vững được nêu trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ như sau:

+ Tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

+ Tăng trưởng xanh phải do con người và vì con người, góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

+ Tăng trưởng xanh dựa trên tăng cường đầu tư vào bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tự nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện nâng cao chất lượng môi trường, qua đó kích thích tăng trưởng kinh tế.

+ Tăng trưởng xanh phải dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

+ Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

- Kế hoạch thực hiện bao gồm các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu và các giải pháp triển khai, phân công nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng xanh trên địa bàn.

- Kế hoạch này là căn cứ để các Sở, ban ngành và địa phương xây dựng Chương trình hành động theo chức năng nhiệm vụ được giao, đồng thời tổ chức triển khai để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX, Nghị quyết HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh 5 năm 2011-2015, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011- 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 -2015, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, đưa kinh tế tỉnh hướng đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính. Xây dựng và thực hiện đạt hiệu quả các chỉ tiêu về tăng trưởng xanh trong hệ thống chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo :

- Giai đoạn 2011 - 2020: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8 - 10% so với mức năm 2010; Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 1 - 1,5% mỗi năm; Giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 10% đến 20%.

- Giai đoạn 2020-2030: Giảm mức phát thải khí nhà kính mỗi năm 1,5 - 2%; Giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 20% đến 30%

- Giai đoạn 2030-2050: giảm mức phát thải khí nhà kính mỗi năm 1,5 - 2%.

b. Mục tiêu xanh hóa sản xuất:

Đến năm 2020 giá trị sản phẩm ngành công nghệ cao, công nghệ xanh chiếm trên 42% trong GDP cả tỉnh; 80% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; 50% cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng công nghệ sạch; Tỷ lệ đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ bảo vệ môi trường và làm giàu vốn tự nhiên phần đầu đạt 3 - 4% GDP.

Tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm nhằm mục tiêu sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên; tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm.

c. Mục tiêu xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật về môi trường và triển khai đồng bộ các biện pháp, phần đầu giai đoạn 2011- 2015 có từ 50% - 60% khu đô thị có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung; Giai đoạn 2016- 2020 có từ 60% - 70% khu đô thị có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

- Phát triển hệ thống dịch vụ vận tải hành khách công cộng.

- Tỷ lệ che phủ cây xanh trên diện tích toàn tỉnh đến năm 2015 đạt 56% và năm 2020 đạt 52%. Ổn định tỷ lệ che phủ của rừng 29,76%.

- Tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch đạt 99% vào năm 2015 và đạt 100% vào năm 2020. Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh đạt 95% vào năm 2015 và 98% vào năm 2020.

- Đến năm 2015, thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, rác thải sinh hoạt đô thị, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại.

- Thu gom 100% và xử lý trên 80% chất thải nguy hại vào 2015, thu gom và xử lý 100% chất thải nguy hại vào 2020.

- Đến năm 2015: 100% khu công nghiệp đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo qui chuẩn môi trường.

3. Nhiệm vụ chủ yếu

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành ;khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao;

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu;

- Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư và doanh nghiệp

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân, cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của tăng trưởng xanh, những hành động thiết thực đóng góp vào thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh.

- Thực hiện các chính sách khuyến khích và hỗ trợ kỹ thuật để người dân, cộng đồng dân cư và doanh nghiệp triển khai và mở rộng quy mô các mô hình sản xuất và tiêu dùng tiết kiệm, an toàn, văn minh, mang đậm bản sắc dân tộc, hài hòa và thân thiện với thiên nhiên.

- Khuyến khích và hỗ trợ phát triển mô hình đô thị sinh thái, nông thôn xanh, mô hình nhà ở xanh, mô hình phân loại rác thải tại nguồn, cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng.

2. Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng

- Thực hiện các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng quy trình quản lý, vận hành tiên tiến đảm bảo sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất, truyền tải và tiêu dùng, đặc biệt với các cơ sở sản xuất công suất lớn, tiêu thụ nhiều năng lượng.

- Thu hút các dự án đầu tư có công nghệ tiên tiến, các dự án sản xuất sản phẩm xanh, ít tiêu hao năng lượng và không gây ô nhiễm môi trường.

3. Thay đổi cơ cấu nhiên liệu trong công nghiệp và giao thông vận tải

- Bảo đảm an ninh năng lượng theo hướng phát triển đồng bộ các nguồn năng lượng, khai thác và sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng trong nước, giảm bớt phụ thuộc vào các sản phẩm dầu mỏ.

- Thay đổi cơ cấu nguồn năng lượng theo hướng giảm năng lượng từ nguồn nhiên liệu hóa thạch, khuyến khích khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới, tái tạo, ít phát thải khí nhà kính.

- Trong ngành giao thông, khuyến khích chuyển xe buýt, taxi sang sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên nén, khí hóa lỏng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý chất lượng nhiên liệu, tiêu chuẩn khí thải, bảo dưỡng phương tiện.

- Áp dụng các công cụ thị trường nhằm thúc đẩy thay đổi cơ cấu và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, khuyến khích sử dụng các loại nhiên liệu sạch, hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo, có lộ trình xóa bỏ bao cấp đối với nhiên liệu hóa thạch, đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả.

- Thực hiện dán nhãn các thiết bị tiết kiệm năng lượng, ban hành tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng thiết bị.

4. Đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng

- Thực hiện cơ chế, chính sách tài chính, công nghệ nhằm hỗ trợ nghiên cứu áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp để khai thác và sử dụng tối đa tiềm năng các nguồn năng lượng tái tạo.

- Phát triển thị trường công nghệ, hình thành ngành công nghiệp sản xuất máy móc thiết bị năng lượng tái tạo và cung cấp dịch vụ trong nước.

5. Giảm phát thải khí nhà kính thông qua phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp

- Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, mùa vụ trong trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy lợi và trong ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn.

- Nghiên cứu, áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên đất, nước... và giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp.

- Phổ biến rộng rãi công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp tạo ra thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, làm nguyên liệu công nghiệp, biogas và phân bón hữu cơ và giảm phát thải khí nhà kính.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trồng rừng kinh tế, nâng cao chất lượng rừng, tăng khả năng hấp thụ khí CO₂, tăng sinh khối và đảm bảo cung cấp gỗ cho sản xuất và tiêu dùng.

- Thực hiện các chương trình về giảm phát thải khí nhà kính, quản lý rừng bền vững, kết hợp với đa dạng hóa sinh kế cho người dân địa phương.

6. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành sản xuất

- Rà soát quy hoạch tổng thể phát triển các ngành kinh tế, đặc biệt là những ngành tác động nhiều tới tài nguyên, môi trường, có hiệu quả sử dụng vốn và tài nguyên không cao, để xác định yêu cầu xanh hóa sản xuất, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả vào các quy hoạch ngành hiện có và quy hoạch mới.

- Các ngành phải xây dựng và thực hiện chương trình hành động theo hướng tăng trưởng xanh, chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động theo kinh nghiệm thực hành tốt để tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường sinh thái.

7. Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên

- Thực hiện có hiệu quả Luật tài nguyên nước, Luật đất đai, Luật khoáng sản, Luật bảo vệ môi trường và những quy định liên quan, tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế, hành chính theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước hiệu quả, kiện toàn hệ thống quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường các cấp.

- Đẩy mạnh, phát triển, áp dụng rộng rãi những công nghệ và thực hành khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên.

8. Thúc đẩy các ngành kinh tế xanh phát triển nhanh để tạo thêm việc làm, nâng thu nhập, làm giàu thêm nguồn vốn tự nhiên

a) Phát triển các ngành kinh tế xanh

- Áp dụng các tiêu chuẩn về ngành kinh tế xanh, các sản phẩm dán nhãn xanh/sinh thái.

- Thực hiện chính sách ưu đãi đối với nghiên cứu khoa học - công nghệ và phát triển, sản xuất và khuyến khích tiêu dùng các sản phẩm xanh/sinh thái.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ đặc biệt về kinh tế - kỹ thuật và khuyến khích mọi doanh nghiệp, cá nhân áp dụng kỹ thuật và công nghệ cao, phù hợp để phát triển một số sản phẩm xanh truyền thống mà tính có thể mạnh như nông lâm thủy sản sinh thái, thực phẩm, hàng tiêu dùng và dệt may từ nguyên vật liệu địa phương.

- b) **Đẩy mạnh hoạt động tái chế, tái sử dụng các chất phế thải**
- Phát triển ngành công nghiệp tái chế hiện đại thân thiện với môi trường.
 - Áp dụng công nghệ phân loại, tái chế rác thải ở các khu đô thị và công nghiệp mới thành năng lượng, vật liệu xây dựng và phân vi sinh.
 - Hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính để hiện đại hóa hoạt động tái chế ở các làng nghề. Đến năm 2020, loại bỏ các công nghệ cũ lạc hậu, độc hại đối với sức khỏe người lao động và gây ô nhiễm môi trường ở các làng nghề tái chế.

c) **Thúc đẩy sản xuất hàng hóa và dịch vụ môi trường**

- Lập quy hoạch phát triển các ngành, hoạt động sản xuất và dịch vụ phòng, chống ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường, tạo thêm nhiều việc làm ở đô thị và nông thôn.
- Thực hiện chính sách để chuyển phần lớn hoạt động sản xuất và dịch vụ môi trường từ hoạt động công ích, bao cấp sang vận hành theo nguyên tắc thị trường một cách năng động và hiệu quả.
- Có chính sách ưu tiên và hỗ trợ các ngành kinh tế xanh phát triển, lồng ghép với các chương trình phát triển và xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cảnh quan và môi trường.

d) **Phục hồi, phát triển nguồn “vốn tự nhiên”**

- Nghiên cứu thực hiện cơ chế chính sách về phục hồi, phát triển nguồn vốn tự nhiên, khuyến khích sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư vào cơ sở hạ tầng dịch vụ hệ sinh thái, các khu bảo tồn và phục hồi vào các hệ sinh thái đã bị suy giảm.
- Xây dựng và thực hiện các quy hoạch dài hạn về khai thác, sử dụng, dự trữ và bảo tồn những loại tài nguyên trọng yếu nhất đối với nền kinh tế.
- Áp dụng cách tiếp cận quản lý tổng hợp và tăng cường bộ máy quản lý các lưu vực sông, các hệ sinh thái.
- Xây dựng hệ thống tài khoản xanh thông qua lượng giá nguồn vốn tự nhiên.

9. Phát triển kết cấu hạ tầng bền vững

a) **Hạ tầng giao thông**

- Tăng cường đầu tư nâng cấp các hệ thống, mạng lưới giao thông: Vận tải thủy, đường cao tốc, đường sắt trên cơ sở tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả kinh tế, môi trường cao, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh, vận chuyển hành khách và hàng hóa, phục vụ xuất nhập khẩu và giao lưu giữa các địa phương trong nước và quốc tế.
- Phát triển các hệ thống giao thông có trọng điểm, kết nối với các trung tâm kinh tế và các khu vực sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, thông qua đầu tư vào hạ tầng giao thông công cộng với công nghệ, kỹ thuật hiện đại.

b) **Hạ tầng năng lượng**

- Phát triển hệ thống điện đảm bảo nhu cầu điện sinh hoạt và sản xuất.

- Áp dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng lưới điện phân phối, giảm tổn thất điện năng, nâng cao hiệu quả sử dụng điện.

c) Hạ tầng thủy lợi, nước

- Tăng cường đầu tư hệ thống thủy lợi với thiết bị vận hành hiện đại đảm bảo điều tiết và bảo vệ tốt nguồn nước, cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp, phát triển vùng cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản và tiêu thoát tốt, kiểm soát được lũ lụt.

- Tăng cường đầu tư đáp ứng nguồn nước phục vụ phát triển công nghiệp, đô thị, đặc biệt quan tâm đến những vùng khan hiếm nguồn nước.

10. Đổi mới công nghệ, áp dụng phổ biến sản xuất sạch hơn

- Áp dụng sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên theo Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 và Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Nâng cao năng lực cho các cơ quan chuyên trách về sản xuất sạch hơn tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý, tổ chức tư vấn và cơ sở sản xuất công nghiệp trong việc áp dụng sản xuất sạch hơn. Phát triển mạng lưới các trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh, tổ chức hỗ trợ thương mại hóa, chuyển giao công nghệ xanh, sản xuất sạch hơn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đầu tư nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ xanh gồm: Công nghệ năng lượng xanh, vật liệu và xây dựng, cơ khí giao thông vận tải, công nghệ nông, lâm, sinh học, hóa học xanh, xử lý chất thải.

- Khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước đầu tư vào lĩnh vực phát triển kinh tế xanh, nhập khẩu, sử dụng và nội địa hóa công nghệ xanh.

11. Đô thị hóa bền vững

- Quy hoạch đô thị và quản lý quy hoạch: Rà soát quy hoạch tổng thể các đô thị trong tỉnh từ cách tiếp cận đô thị bền vững (đô thị xanh, sinh thái và kinh tế,...) với trọng tâm sử dụng và quản lý tài nguyên bền vững cho mọi người dân đến sinh sống. Phấn đấu đến năm 2020 các đô thị trong tỉnh đạt hệ thống chỉ số đô thị xanh. Quy hoạch không gian đô thị đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái, thuận lợi cho phát triển giao thông công cộng, tăng tính hấp dẫn, cạnh tranh và thân thiện môi trường, tiết kiệm thời gian đi lại của dân cư.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Phát triển hệ thống nhà ở, giao thông, năng lượng, cấp, thoát nước và xử lý rác thải đảm bảo khả năng tiếp cận cho mọi người dân, đồng thời giảm các chi phí do ô nhiễm, ùn tắc giao thông. Quy hoạch và xây dựng hệ thống tiêu thoát nước mưa, hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải đô thị. Xây dựng và điều chỉnh hạ tầng thích ứng tại những khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu để giảm thiểu thiệt hại.

- Nghiên cứu ứng dụng xây dựng đô thị xanh, đô thị sinh thái, công trình xanh.

- Trong lĩnh vực giao thông đô thị: thực hiện đầu tư mới, cải tạo và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông đô thị, ưu tiên phát triển hệ thống vận tải công cộng đô thị với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong đầu tư phương tiện, khai thác vận tải hành khách công cộng. Kiểm soát sự phát triển số lượng phương tiện cơ giới cá nhân.

- Thực hiện xanh hóa cảnh quan đô thị bằng các biện pháp khả thi như ưu tiên phân bổ đất công để nâng cao diện tích không gian xanh và mặt nước ở các đô thị, đạt tiêu chuẩn theo loại đô thị. Khuyến khích đầu tư và phát triển các khoảng không gian xanh trong các dự án đô thị và khuyến khích cộng đồng, doanh nghiệp và các hộ gia đình huy động nguồn lực để xanh hóa cảnh quan đô thị.

12. Xây dựng nông thôn mới với lối sống hòa hợp với môi trường

- Quy hoạch nông thôn theo các tiêu chuẩn sống tốt, bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh. Khuyến khích xây dựng nhà ở theo mô hình làng, nhà ở sinh thái, phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống từng vùng, từng dân tộc.

- Hỗ trợ thực hiện mô hình sản xuất theo chu trình sinh thái khép kín, ít chất thải, mô hình xử lý chất thải làng nghề. Đến năm 2020, đảm bảo hầu hết rác thải nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn môi trường, sử dụng rác để cung cấp năng lượng, phân bón hữu cơ, vật liệu xây dựng.

- Thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về Cấp nước và Vệ sinh nông thôn đến năm 2020, cung cấp giải pháp xây dựng công trình kinh tế và dân sinh thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu và chủ động phòng ngừa tác động của thiên tai.

- Cải thiện và nâng cao chất lượng sống cho dân cư nông thôn. Khuyến khích và hỗ trợ các hộ gia đình nông thôn sử dụng rộng rãi các nguồn năng lượng tái tạo.

13. Thúc đẩy tiêu dùng bền vững và xây dựng lối sống xanh

- Thúc đẩy việc dán nhãn sinh thái và phổ biến thông tin các sản phẩm thân thiện môi trường đến toàn xã hội. Thực hiện lộ trình từ nay đến năm 2020 áp dụng mua sắm xanh: Vật liệu xây dựng; lương thực và thực phẩm; giao thông, vận tải; năng lượng; máy tính và máy văn phòng; dệt may; giấy và in ấn; đồ gỗ; chất tẩy rửa; thiết bị y tế.

- Chỉ tiêu công các cấp, các ngành phải gương mẫu thực hiện theo tiêu chuẩn kinh tế xanh. Bắt đầu từ năm 2015, tất cả các công trình, dự án đầu tư công phải áp dụng các tiêu chuẩn kinh tế xanh: theo cơ cấu ngành nghề, tiêu chuẩn sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu, thiết kế thích hợp điều kiện sinh thái, tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

Thực hiện từ năm 2017 tất cả các phương tiện giao thông cơ giới mới mua bằng ngân sách nhà nước phải đạt tiêu chuẩn khí thải, ưu tiên các loại phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch (điện, khí hóa lỏng) và xe lai (hybrid).

Nghiên cứu ban hành quy chế chi tiêu công xanh, trong đó chi đầu tư và chi thường xuyên của ngân sách nhà nước phải ưu tiên mua sắm và sử dụng hàng hóa dân nhân sinh thái, hàng hóa có khả năng tái chế.

- Khuyến khích tiêu dùng bền vững trong khu vực doanh nghiệp: khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm tài nguyên và hạn chế lãng phí năng lượng và tài nguyên. Thực hiện xây dựng hệ thống chứng nhận và dán nhãn sinh thái cho các sản phẩm xanh. Hình thành và quảng bá thị trường sản phẩm xanh.

- Tiêu dùng bền vững trong khu vực dân cư: khuyến khích dân cư tiêu dùng hợp lý theo hướng bền vững. Tuyên truyền, giáo dục, triển khai và mở rộng quy mô thực hành lối sống xanh và tiêu dùng tiết kiệm, hợp lý, an toàn.

- Phát triển mạnh công nghệ thông tin như hạ tầng cơ bản của chính quyền điện tử, kết nối các hạ tầng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ điều hành, quản lý của các tổ chức công và tư, cung cấp các sản phẩm dịch vụ, tuyên truyền, trao đổi thông tin, mua sắm qua e-mail, internet.

14. Huy động nguồn lực thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh

- Ưu tiên nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, đặc biệt cho nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và năng lượng tái tạo.

- Khuyến khích các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh theo tiêu chí tăng trưởng xanh.

- Khuyến khích và hỗ trợ phát triển kinh tế xanh, sản phẩm xanh thông qua việc sử dụng hệ thống các công cụ tài chính, tín dụng, thị trường.

- Đẩy mạnh huy động các nguồn vốn toàn xã hội, chú trọng nguồn vốn vay, ODA, hỗ trợ kỹ thuật của nước ngoài, các tổ chức quốc tế và đội ngũ trí thức trong và ngoài nước tham gia thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

15. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ

- Thực hiện công tác đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị, điều hành trong nền kinh tế xanh, ngành sản xuất xanh cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

- Hướng dẫn doanh nghiệp về cách thức tiếp cận các lựa chọn tài chính, công nghệ để thực hiện xanh hóa công nghiệp, nông nghiệp.

- Khuyến khích nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ xanh/các bon thấp, năng lượng tái tạo, xanh hóa sản xuất và tiêu dùng.

- Nghiên cứu, áp dụng hệ thống các chỉ số, tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn về tăng trưởng xanh để quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong toàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về tăng trưởng xanh của địa phương kết nối với hệ thống quốc gia về tăng trưởng xanh.

16. Hợp tác quốc tế về tăng trưởng xanh

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin về xây dựng và thực hiện các nội dung cơ bản của nền kinh tế xanh giữa tỉnh Đồng Nai với các địa phương trong cả nước và các địa phương nước ngoài.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế và các nước trong thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

- Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khu vực tư nhân và nhà nước trong hợp tác quốc tế thực hiện chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối về tăng trưởng xanh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch của tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện theo định kỳ; tổ chức sơ kết 5 năm/lần, giữa kỳ vào năm 2020 và tổng kết vào cuối năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, địa phương liên quan xác định những nhiệm vụ, dự án trọng điểm trong từng giai đoạn để trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan xác định và phân bổ nguồn lực thúc đẩy thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

2. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư dự toán và đảm bảo kinh phí cho việc triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh Sở ngành, địa phương trong tỉnh, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh quyết định;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển kinh tế xanh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp trong thực hiện Chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng dẫn đăng ký, theo dõi, giám sát về phát thải khí nhà kính, giám sát thực hiện chính sách đầu tư vào vốn tự nhiên.

4. Các Sở, Ban ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các nhiệm vụ của chiến lược tăng trưởng xanh đồng thời cụ thể hóa nhiệm vụ, lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, cơ quan mình.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu thuộc ngành phụ trách phù hợp với chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa:

- Căn cứ Kế hoạch của tỉnh về thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh để xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và chỉ đạo thực hiện; cụ thể hóa nhiệm vụ và lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của địa phương để tổ chức thực hiện đạt kết quả.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ngành, địa phương, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ và tổng hợp kiến nghị, đề xuất những nội dung cần đổi mới, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh thuộc lĩnh vực ngành mình phụ trách./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính Phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành ;
- UBND các huyện, TXLK, TPBH;
- Lưu: VT, TH.

HA.CV2013

CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Thái